

Bản án số: 30/2021/DS - PT
Ngày: 22 - 10 - 2021
V/v kiện chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán:

Ông Trần Đức Long

Ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại phòng xét xử án dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLPT - DS ngày 12 tháng 7 năm 2021, về việc yêu cầu chia di sản thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1470/2021/QĐ - PT ngày 04 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* + Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1951;
+ Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1980;
+ Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1982.

Đều ở địa chỉ: Số A, tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt (bà M, chị H, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* + Bà Trần Thị V, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt

+ Ông Trần Hùng V, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn 12, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt (ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị V và ông Trần Hùng V là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch thì nội dung vụ án như sau: Cụ Trần Xuân V, sinh năm 1924 và cụ Lê Thị H, sinh

năm 1926; hai cụ là bố mẹ của ông Trần Đình V (ông V chết năm 2015 có vợ là bà Nguyễn Thị M và hai con là Trần Thị Bích H, Trần Thị Mỹ H), ông Trần Hùng V và bà Trần Thị V. Hai cụ không có con riêng, con riêng; cụ V chết năm 1994, cụ H chết năm 2010. Hai cụ chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế của hai cụ thừa nhận di sản thừa kế của hai cụ có 1.048m² đất tại thửa đất số 204, tờ bản đồ số 02 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là 1.383,8m² tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số D0584242 ngày 16/5/1994 mang tên cụ Lê Thị H.

Ngày 17 tháng 8 năm 2015 các đồng thừa kế của hai cụ thống nhất lập biên bản phân chia di sản thừa kế, được UBND xã Q chứng thực vào ngày 03/9/2015. Theo thỏa thuận này thì bà Nguyễn Thị M được hưởng 420,8m² (100m² đất ở, 320,8m² đất vườn); bà Trần Thị V được hưởng 568,9m² (100m² đất ở, 468,9m² đất vườn); ông Trần Hùng V được hưởng 394,1m² (100m² đất ở, 294,1m² đất vườn). Sau khi thỏa thuận được chứng thực bà M đã xây dựng nhà và tường rào trên diện tích đất được chia nhưng bà V và ông V không nhất trí để bà M hưởng di sản thừa kế và là thủ tục cấp GCNQSDĐ. Vì vậy bà Nguyễn Thị M và các chị Trần Thị Bích H, Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ V, cụ H theo thỏa thuận đã phân chia.

Bà Trần Thị V và ông Trần Hùng V thừa nhận các bên đã tự nguyện lập biên bản phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại, bà M đã xây dựng nhà ở, tường rào và làm nhà trên đất được chia. Bà V trình bày thêm năm 2010, bà thuê người đào 01 cái giếng nước chi phí hết 40.000.000 đồng; năm 2011, bà mua vật liệu và thuê người xây hàng rào bao quanh diện tích đất của bố mẹ với số tiền 5.000.000 đồng; thuê người cải tạo, san lấp mặt bằng với số tiền 10.000.000 đồng và trồng cây ăn quả trên đất. Những tài sản bà kê khai hiện đang ở trên diện tích đất của bà M, nếu bà M về sinh sống trên thửa đất này thì cùng dùng chung giếng nước, nếu không được thì bà yêu cầu bà M bồi thường số tiền 55.000.000 đồng.

Ông Trần Hùng V không thống nhất phân chia di sản theo biên bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 17/8/2015 tại UBND xã Q, Ông cho rằng, khi còn sống ông Trần Đình V có nguyện vọng về quê xây nhà để thờ cúng ông bà, tổ tiên, cha mẹ nên mới đồng ý chia cho phần diện tích đất nhiều hơn. Nay ông V chết, bà M không có nhu cầu về quê, không có trách nhiệm thờ cúng ông bà nên ông không thống nhất phân chia di sản thừa kế theo văn bản lập ngày 17/8/2015. Ông đề nghị giao diện tích đất 568,9m² cho bà Trần Thị V. Phần diện tích đất còn lại chia đều cho 3 người là bà M, bà V và ông theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS – ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã quyết định: Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, [điểm a khoản 1 Điều 35](#), [điểm a khoản 1 Điều 39](#), Điều 147, 157, 165, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649,

650, 651, 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, chị Trần Thị Bích H và chị Trần Thị Mỹ H về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với bị đơn bà Trần Thị V, ông Trần Hùng V.

- Xác định di sản thừa kế do cụ V, cụ H để lại là quyền sử dụng đất diện tích $1.383.8m^2$, trong đó đất ở là $300m^2$, đất vườn trồng cây lâu năm là $1083.8m^2$, có giá trị 133.276.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị M, chị Trần Thị Bích H, Trần Thị Mỹ H (là những đồng thừa kế của ông Trần Đình V) được hưởng phần diện tích đất $414.5m^2$ (trong đó đất ở $100m^2$, đất vườn trồng cây lâu năm $314.5m^2$) có tường rào xây dựng gắn liền ở phía Đông và phía Tây thuộc thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08, tại Thôn A, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có giá trị 43.490.000 đồng. Vị trí thửa đất: Phía Bắc tiếp giáp nương thủy lợi dài 9 mét; phía Nam tiếp giáp đường giao thông nông thôn dài 10 mét; phía Đông tiếp giáp thửa đất số 08, tờ bản đồ số 17 của bà Trần Thị M dài 5.84 mét +2.63 mét (thực tế đo vẽ 2.64 mét)+7.03 mét+2.02 mét+31.48 mét; phía Tây tiếp giáp phần diện tích đất chia cho ông Trần Hùng V dài 10.89 mét+13.67 mét+8.98mét +12.31 mét;

+ Ông Trần Hùng V được hưởng phần diện tích đất $362.2m^2$ (trong đó đất ở $100m^2$, đất vườn trồng cây lâu năm $262.2m^2$) thuộc thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08, tại Thôn A, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có giá trị 42.444.000 đồng. Vị trí: phía Bắc tiếp giáp nương thủy lợi dài 7 mét; phía Nam tiếp giáp đường giao thông nông thôn dài 6.21 mét +2 mét; phía Đông tiếp giáp phần diện tích chia cho bà Nguyễn Thị M dài 10.89 mét +13.67 mét+8.98 mét +12.31mét; phía Tây tiếp giáp phần diện tích đất chia cho bà Trần Thị V dài 25.18 mét+5.60 mét+18.28 mét.

+ Bà Trần Thị V được hưởng phần diện tích đất $607.1m^2$ (trong đó đất ở $100m^2$, đất vườn trồng cây lâu năm $507.1m^2$) thuộc thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08, tại Thôn A, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có giá trị 47.342.000 đồng. Vị trí: phía Bắc tiếp giáp nương thủy lợi dài 16.28 mét; phía Nam tiếp giáp đường giao thông nông thôn dài 10 mét; phía Đông tiếp giáp phần diện tích đất chia cho ông Trần Hùng V dài 25.18 mét +5.60 mét +18.28 mét; phía Tây tiếp giáp thửa đất 217 của ông Trần Đình Nh dài 14.39 mét (thực tế đo vẽ 14.40 mét) +8.44 mét +10 mét +11.27 mét.

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định.

- Đối với phần diện tích đất lấn chiếm đường giao thông nông thôn ngoài diện tích đất được quyền sử dụng, buộc các bên phải di dời, tháo dỡ vật, cây cối, công trình và trả lại hiện trạng khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị V về việc buộc bà Nguyễn Thị M, chị Trần Thị Bích H, chị Trần Thị Mỹ H phải thanh toán tài sản trên đất (là cây

ăn quả, cây lầy gỗ...). Giao cho bà Nguyễn Thị M, chị Trần Thị Bích H, chị Trần Thị Mỹ H được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gắn liền trên phần đất đã được phân chia. Bà Nguyễn Thị M, chị Trần Thị Bích H, chị Trần Thị Mỹ H phải thanh toán phần giá trị tài sản trên đất cho bà Trần Thị V số tiền là 5.343.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị V về việc yêu cầu đền bù, bồi thường tiền làm giếng và các khoản tiền công tôn tạo, san lấp mặt bằng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên buộc chịu chi phí tố tụng, án phí vụ kiện và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26 và ngày 28 tháng 5 năm 2021 bà Trần Thị V và ông Trần Hùng V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia di sản thừa kế là đất đai theo quy định của pháp luật đối với 814,9m² (phần đất của ông V, bà M); diện tích 568,9m² bà V được hưởng riêng theo di nguyện của cụ Hiên. Bà V còn yêu cầu bà M bồi thường 50.000.000 đồng do bà khoan giếng, xây hàng rào, làm chuồng heo, giá trị 05 trụ tiêu và giá trị chăm sóc, tôn tạo đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Trần Thị V giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của hai bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc hai bị đơn chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 20 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử và ban hành bản án sơ thẩm số 03/2021/DS – ST, ngày 26 và ngày 28 tháng 5 năm 2021 bị đơn ông Trần Hùng V và bà Trần Thị V làm đơn kháng cáo. Kháng cáo của các đương sự làm đúng hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì cụ Trần Xuân V, chết năm 1994; cụ Lê Thị H, chết năm 2010. Ngày 01 tháng 7 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch nhận đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của các nguyên đơn, theo hướng dẫn tại giải đáp số 01/GĐ – TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì: Kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Do đó thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Trần Xuân V, cụ Lê Thị H đang trong thời hạn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc khởi kiện của các nguyên đơn để giải quyết là đúng quy định.

[3] Các đồng thừa kế của cụ V, cụ H thừa nhận hai cụ chết không để lại di chúc, hai cụ là bố mẹ của ông Trần Đình Ván (ông Ván chết năm 2015 có vợ là bà Nguyễn Thị Mây và hai con là Trần Thị Bích Hạnh, Trần Thị Mỹ Hòa), ông Trần Hùng Vương và bà Trần Thị Vân. Hai cụ không có con riêng, con nuôi. Hai cụ chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế của hai cụ thừa nhận di sản thừa kế của hai cụ có 1.048m² đất tại thửa đất số 204, tờ bản đồ số 02 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện Quảng Trạch cấp GCNQSDĐ số D0584242 ngày 16/5/1994 mang tên cụ Lê Thị H. Theo kết quả thẩm định tại chỗ và xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q thì thửa đất này hiện nay có diện tích 1.383,8m² đất được đổi thành thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

[4] Ông Trần Đình V chết năm 2015; Ông có vợ là bà Nguyễn Thị M và hai con Trần Thị Bích H, Trần Thị Mỹ H; Ông không có con riêng, con nuôi. Cụ V, cụ H chết trước ông V nên bà M, chị H, chị H là những người được hưởng di sản thừa kế của ông V nếu còn sống được hưởng. Tại giấy tặng cho di sản thừa kế lập ngày 29/9/2021 chị Nguyễn Thị Bích H và chị Nguyễn Thị Mỹ H nhất trí nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Nguyễn Thị M.

[5] Ngày 17 tháng 8 năm 2015, các đồng thừa kế của cụ V, cụ H thống nhất lập biên bản phân chia di sản thừa kế của hai cụ, được Ủy ban nhân dân xã Q chứng thực vào ngày 03/9/2015. Theo thỏa thuận này thì bà Nguyễn Thị M được hưởng 420,8m² (100m² đất ở, 320,8m² đất vườn); bà Trần Thị V được hưởng 568,9m² (100m² đất ở, 468,9m² đất vườn); ông Trần Hùng V được hưởng 394,1m² (100m² đất ở, 294,1m² đất vườn). Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Trần Thị V thừa nhận, sau khi thỏa thuận chia di sản thừa kế bà M đã xây dựng nhà ở và tường rào trên diện tích đất được chia.

[6] Việc hai bị đơn kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế 814,9m² (phần đất của ông V, bà M); diện tích 568,9m² bà V được hưởng riêng theo di nguyện của cụ H thấy: Ngày 16 tháng 3 năm 2007, cụ Lê Thị H cùng các con là ông Trần Đình V, bà Trần Thị Vân và ông Trần Hùng V có văn bản chuyển nhượng cho bà Trần Thị V diện tích đất làm nhà ở, nhưng không nói rõ diện tích cụ thể bao nhiêu (bút lục số 116), quá trình sinh sống các bên không thực hiện tách

thừa đất như văn bản đã nêu. Ngày 17 tháng 8 năm 2015 bà M, ông V và bà V thỏa thuận chia di sản thừa kế như nêu tại mục [5] là hoàn toàn tự nguyện. Do đó việc bà V và ông V kháng cáo không đưa diện tích 568,9m² bà V được hưởng riêng theo di nguyện của cụ H vào chia thừa kế là không có căn cứ.

[7] Đối với kháng cáo của bà V yêu cầu nguyên đơn bồi thường giếng nước, chuồng heo, xây hàng rào khoảng 50.000.000 đồng; bồi thường 05 trụ tiêu và công chăm sóc, cải tạo đất thấy: Tại biên bản thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/6/2020 có mặt bà Trần Thị V chứng kiến đã nhất trí với việc thẩm định, định giá này. Theo đó trên diện tích đất bà M được chia theo thỏa thuận ngày 17 tháng 8 năm 2015 có 01 giếng nước, 01 nhà vệ sinh và 01 chuồng heo được xây dựng lúc cụ H đang còn sống nhưng giá trị còn lại không đồng, 05 trụ tiêu tại thời điểm thẩm định không còn, bà V nhất trí không yêu cầu xem xét; tường rào phía Đông giá 12.900.000 đồng, phía Nam giá 936.000 đồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận nguyên đơn đã bồi thường cho bị đơn. Mặt khác tại phiên tòa bà V không xuất trình được các chứng cứ chứng minh các nội dung bà kháng cáo là do bà xây dựng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này; Đối với yêu cầu chăm sóc, cải tạo đất thì việc bà V sử dụng đất để canh tác thì Bà có nghĩa vụ cải tạo đất, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ. Tuy nhiên, bà V là người có công chăm sóc cụ H và giữ gìn di sản thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định công sức này của bà V là thiếu sót nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà V để sửa án sơ thẩm theo hướng chia cho bà V ½ kỷ phần thừa kế vì có công giữ gìn di sản thừa kế theo Điều 618 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện để chia thừa kế theo pháp luật nhưng việc chia các kỷ phần thừa kế không bằng nhau nên đã làm ảnh hưởng quyền lợi của các bị đơn.

[8] Như phân tích tại mục [3] thì di sản thừa kế của cụ V, cụ H có tích 1.383,8m² đất tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông Trần Đình V, bà Trần Thị V và ông Trần Hùng V được hưởng di sản thừa kế trên, theo đó ông Trần Đình V (ông V chết nên bà M, chị Trần Thị Bích H, chị Trần Thị Mỹ H được hưởng) được hưởng 01 kỷ phần, ông Trần Hùng V 01 kỷ phần và bà Trần Thị V 1,5 kỷ phần thừa kế (bà Vân có ½ kỷ phần giữ gìn di sản). Cụ thể các kỷ phần thừa kế được hưởng như sau: Bà M, chị Trần Thị Bích H, chị Trần Thị Mỹ H được hưởng 395,371m² đất, giá 38.078.000 đồng (85,714m² đất ở giá 31.885.000 đồng và 309,657m² đất vườn giá 6.193.000 đồng) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q (bà M được hưởng trị giá 12.692.700 đồng, chị Trần Thị Bích H được hưởng trị giá 12.692.700 đồng và chị Trần Thị Mỹ H được hưởng trị giá 12.692.700 đồng, nhưng như phân tích tại mục [4] thì chị Trần Thị Bích H, chị Trần Thị Mỹ H nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà M); ông Trần Hùng V được hưởng 395,371m² đất giá

38.078.000 đồng (85,714m² đất ở giá 31.885.000 đồng và 309,657m² đất vườn giá 6.193.000 đồng) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q; bà Trần Thị V được hưởng 593,058m² đất giá 57.186.000 đồng (128.572m² đất ở giá 47.896.000 đồng và 464,486m² đất vườn giá 9.290.000 đồng) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q.

[9] Như phân tích tại mục [5] thì ngày 17 tháng 8 năm 2015 các đồng thừa kế của cụ V, cụ H thống nhất lập biên bản phân chia di sản thừa kế của hai cụ, được Ủy ban nhân dân xã Q chứng thực vào ngày 03/9/2015. Sau khi thỏa thuận chia di sản thừa kế, UBND xã Q đã tiến hành đo đạc, cắm mốc giới cho các đương sự; bà Nguyễn Thị M đã xây dựng nhà ở, tường rào trên diện tích đất được chia. Các đương sự sử dụng ổn định, do đó cần chia di sản thừa kế cho các đương sự theo ranh giới các bên đã thỏa thuận, bên sử dụng đất nhiều hơn phải bù giá trị bằng tiền cho bên sử dụng đất ít hơn.

[10] Theo phân tích tại mục [8] và mục [9] thì diện tích đất của các đương sự được chia như sau: Bà Nguyễn Thị M được chia 414,5m² đất (100m² đất ở, 314,5m² đất vườn) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, nhưng bà M phải trả cho bà Trần Thị V 5.314.000 đồng giá trị 14,286m² đất ở và trả cho ông Trần Hùng V 97.000 đồng giá trị 4,843m² đất vườn; diện tích đất bà M được chia như sau: Phía Bắc giáp nương nước cạnh Quốc lộ 12A từ điểm 14 đến điểm 15 dài 09 mét; phía Đông giáp thửa đất số 08, tờ bản đồ số 17 của bà Trần Thị M từ điểm 15 đến điểm 20 dài 49,01 mét; phía Nam giáp đường giao thông liên thôn từ điểm 10 đến điểm 20 dài 10 mét, phía Tây giáp diện tích đất chia cho ông Trần Hùng V (bà M đã xây hàng rào ngăn cách) từ điểm 10 đến điểm 14 dài 45,85 mét. Ông Trần Hùng V được chia 319,1m² đất (100m² đất ở, 219,1m² đất vườn) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, nhưng ông phải trả cho bà Trần Thị V 5.314.000 đồng giá trị 14,286m² đất ở, được nhận ở bà M 97.000 đồng giá trị 4,843m² đất vườn và ở bà V 1.429.000 đồng giá trị 71,428m² đất vườn; diện tích đất ông V được chia như sau: Phía Bắc giáp nương nước cạnh Quốc lộ 12A từ điểm 6 đến điểm 14 dài 07 mét, phía Đông giáp thửa đất chia cho bà M (bà M đã xây tường rào ngăn cách) từ điểm 10 đến điểm 14 dài 45,85 mét, phía Nam giáp đường giao thông liên thôn từ điểm 9 đến điểm 10 dài 8,21 mét, phía Tây giáp diện tích đất chia cho bà V từ điểm 6 đến điểm 9 dài 49,06 mét. Bà Trần Thị V được chia 607,1m² đất (100m² đất ở, 507,1m² đất vườn) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, được nhận từ bà Nguyễn Thị M 5.314.000 đồng giá trị 14,286m² đất ở, nhận từ ông Trần Hùng V 3.885.000 đồng giá trị chênh lệch đất ở và đất vườn; diện tích đất bà V được chia như sau: Phía Bắc giáp nương nước cạnh Quốc lộ 12A từ điểm 5 đến điểm 6 dài 16,28 mét, phía Đông giáp thửa đất chia cho ông V từ điểm 6 đến điểm 9 dài 49,06 mét, phía Nam giáp đường giao thông liên thôn từ điểm 1 đến điểm 9

dài 10 mét, phía Tây giáp diện tích thửa đất số 216 và 217 của ông Trần Đình Nh từ điểm 1 đến điểm 5 dài 44,11 mét.

[11] Bà Nguyễn Thị M, bà Trần Thị V và ông Trần Hùng V có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, bà M phải bồi thường cho bà V 5.343.000 đồng đối với các cây trồng trên đất không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[13] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà M, nhưng bà M phải chịu 1.269.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với kỹ phần thừa kế của chị Trần Thị Bích H và chị Trần Thị Mỹ H nhượng cho. Bà Trần Thị V trên 60 tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu 2.859.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà V kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Hùng V kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 1.904.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 272, Điều 273, Điều 276, khoản 2 Điều 308, và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 612, Điều 616, điểm c khoản 2 Điều 618, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; tiết 4 điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận một phần kháng cáo của của bà Trần Thị V và toàn bộ kháng cáo của ông Trần Hùng V về việc chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với 814,9m² (phần đất chia cho ông V, bà M), riêng diện tích 568,9m² bà V được hưởng theo di nguyện của cụ Lê Thị H. Buộc bà M bồi thường 50.000.000 đồng tiền khoan giếng, xây hàng rào, chuồng heo, giá trị 05 trụ tiêu và giá trị chăm sóc, tôn tạo đất tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS – ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Trần Thị V để sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS – ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; xử: Bà Nguyễn Thị M được sở hữu 414,5m² đất (100m² đất ở, 314,5m² đất vườn) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L,

huyện Q, tỉnh Quảng Bình; diện tích đất bà M được sở hữu như sau: Phía Bắc giáp nương nước cạnh Quốc lộ 12A từ điểm 14 đến điểm 15 dài 09 mét, phía Đông giáp thửa đất số 08, tờ bản đồ số 17 của bà Trần Thị M từ điểm 15 đến điểm 20 dài 49,01 mét, phía Nam giáp đường giao thông liên thôn từ điểm 10 đến điểm 20 dài 10 mét, phía Tây giáp diện tích đất chia cho ông V (bà M đã xây tường rào ngăn cách) từ điểm 10 đến điểm 14 dài 45,85 mét.

Ông Trần Hùng V được sở hữu 319,1m² đất (100m² đất ở, 219,1m² đất vườn) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; diện tích đất ông V được sở hữu như sau: Phía Bắc giáp nương nước cạnh Quốc lộ 12A từ điểm 6 đến điểm 14 dài 07 mét, phía Đông giáp thửa đất chia cho bà M (bà M đã xây tường rào ngăn cách) từ điểm 10 đến điểm 14 dài 45,85 mét, phía Nam giáp đường giao thông liên thôn từ điểm 9 đến điểm 10 dài 8,21 mét, phía Tây giáp diện tích đất chia cho bà V từ điểm 6 đến điểm 9 dài 49,06 mét.

Bà Trần Thị V được sở hữu 607,1m² đất (100m² đất ở, 507,1m² đất vườn) tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 08 xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; diện tích đất bà V được sở hữu như sau: Phía Bắc giáp nương nước cạnh Quốc lộ 12A từ điểm 5 đến điểm 6 dài 16,28 mét, phía Đông giáp thửa đất chia cho ông V từ điểm 6 đến điểm 9 dài 49,06 mét, phía Nam giáp đường giao thông liên thôn từ điểm 1 đến điểm 9 dài 10 mét, phía Tây giáp diện tích thửa đất số 216 và 217 của ông Trần Đình Nh từ điểm 1 đến điểm 5 dài 44,11 mét.

(có sơ đồ diện tích đất được chia kèm theo).

3. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Trần Thị V 5.314.000 đồng và trả cho ông Trần Hùng V 97.000 đồng. Ông Trần Hùng V có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị V 3.885.000 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị M, bà Trần Thị V và ông Trần Hùng V có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, bà M phải bồi thường cho bà V 5.343.000 đồng đối với các cây trồng trên đất không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.269.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị V phải chịu 2.859.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Hùng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 1.904.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên bố: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành, tiền lãi được tính theo Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 22/10/2021

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh QB (P9);
- TAND huyện Quảng Trạch
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

